

Name:

Class: S7

Tel: 034 200 9294



Grammar:

Listening:

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 5 – THE GREAT OUTDOORS – GRAMMAR 2 & FCE LISTENING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. GRAMMAR

Expressing the future: Để diễn đạt những hành động sẽ xảy ra ở tương lai, ta có thể dùng các thì sau:

Cấu trúc	Cách sử dụng	Ví dụ
Be + V-ing	Dùng cho các dự định đã lên lịch trong tương lai hoặc sự việc xảy ra tại thời điểm nhất định trong tương lai.	- I'm coming to see you in December. - I'm playing golf with friends at 8 a.m. tomorrow morning.
be going to + V-inf	Dùng để diễn tả những dự định có từ trước hoặc dự đoán dựa trên dấu hiệu hiện tại.	- I'm going to change my own clothes.
will/shall + V-inf	Dùng để diễn tả dự đoán hoặc phỏng đoán không cẩn cứ hoặc để đề nghị lịch sự.	- I think you will have a great time.
S + V(s/es)	Diễn tả các sự kiện theo thời gian biểu hoặc trong mệnh đề thời gian tương lai.	- The train leaves on the 21st of November. - It starts at 1 p.m.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	splashabout (n)	hoạt động vui chơi dưới nước (thường là bơi lội nhẹ nhàng)	5	up-to-date (adj)	cập nhật, hiện đại
2	chaotic (adj)	hỗn loạn, lộn xộn	6	upload (v)	tải lên (thường là lên internet hoặc máy tính)
3	exceed (v)	vượt quá	7	finals (n)	vòng chung kết, bài thi cuối kỳ
4	unpredictable (adj)	khó đoán, không thể lường trước	8	settle in (phr.v)	ổn định cuộc sống

***Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ;
phr.v = phrasal verb: cụm động từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

II. Put the verb into the more suitable form, PRESENT CONTINUOUS or PRESENT SIMPLE.

0. **I'm going** (I / go) to the cinema this evening.

1. _____ (the film / start) at 3.30 or 4.30?

2. _____ (we / have) a party next Saturday. Would you like to come?

3. The art exhibition _____ (finish) on 3 May.

4. _____ (I / not / go) out this evening. _____ (I / stay) at home.

5. _____ (you / do) anything tomorrow morning? 'No. I'm free. Why?'

6. _____ (we / go) to a concert tonight. _____ (it / start) at 7.30.

III. Circle the correct answer.

0. Don't worry about your driving test! I'm sure **you'll pass** / you're passing.

1. Look at the traffic! **We're going to be** / **We're being** late for school.
2. I **won't come** / **am not coming** on Friday, sorry. I have a doctor's appointment.
3. Are you hot? OK, **I'm going to** / **I'll** open the window.
4. Don't leave your bike there! Someone **is stealing** / **will steal** it.
5. Good morning and welcome to our school. In this talk, **I'll** / **I'm going to** tell you about all the information you need for a new school year.

IV. Fill in the blanks with the correct form of the verbs in brackets (using PRESENT SIMPLE or PRESENT CONTINUOUS).

Anna usually (0) spends (spend) her weekends with her family, doing different activities together. This weekend, however, she (1) _____ (help) her father in the garden. Her father (2) _____ (know) a lot about plants and flowers, and he enjoys teaching her. Although Anna (3) _____ (not like) gardening much, she (4) _____ (learn) how to plant vegetables and flowers. Right now, she (5) _____ (water) the new plants they just planted. Her father says it (6) _____ (make) the garden look more colorful and livelier.

V. Correct the mistakes in bold. Write full sentences.0. We **go** to the beach tomorrow.→ We are going to the beach tomorrow.1. He **will playing** football this weekend.

→ _____.

2. She **is meet** her friends for dinner tonight.

→ _____.

3. I am going to finish my homework before I **will go** out.

→ _____.

4. The train **is leaving** at 8:00 PM according to the schedule.

→ _____.

5. They **shall** going to visit their grandparents next week.

→ _____.

Lưu ý:

- Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Part 2**Questions 8–13**

For each question, choose the correct answer.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://youtu.be/wNXXE571FYk>**8** You will hear a wife and her husband talking about housework.

The woman thinks

- A** the husband could be more organised.
- B** they should get the children to do more.
- C** they should employ a cleaner.

9 You will hear two friends talking about a university.

What does the man think about the woman's choice?

- A** She has picked the best university for her subject.
- B** She already has friends at the university.
- C** Accommodation might not cost a lot.

10 You will hear two friends talking about the weather.

The woman says

- A** she prefers it when it's cooler.
- B** the weather has been hotter than usual.
- C** they need it to rain.

11 You will hear two friends talking about a journey to work.

What does the man say?

- A The trains aren't reliable.
- B He enjoys driving his car.
- C He's thinking of using his bicycle.

12 You will hear two friends talking about the local swimming pool.

The man doesn't use it because

- A it gets too crowded.
- B he doesn't have time.
- C the changing rooms aren't safe.

13 You will hear two friends talking about visiting someone in hospital.

What does the woman decide to do?

- A Visit the following week.
- B Take some grapes.
- C Go by bus to the hospital.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://youtu.be/oAIR9aR6yz4>

Part 1

You will hear people talking in eight different situations. For questions 1–8, choose the best answer (A, B or C).

1 You hear a man talking about long-distance swimming.

What does he like about it?

- A It contrasts with his normal lifestyle.
- B It provides him with challenges.
- C It suits his solitary nature.

2 You hear a woman talking about a film she saw.

How did she feel while she was watching it?

- A bored
- B scared
- C amused

3 You overhear a conversation in a restaurant.

The man thinks the dish he's just eaten was

- A better than in other restaurants.
- B a bit spicier than he was used to.
- C served in a rather unusual way.

4 You hear a man talking about a holiday.

What does he say about it?

- A It wasn't worth the money he'd paid.
- B The place wasn't as interesting as he'd expected.
- C The accommodation wasn't as good as he'd been told.

5 You hear a woman talking about an old camera.

What does she regret?

- A the fact that she didn't look after it properly
- B not getting more money when she sold it
- C her decision to replace it

6 You hear a television newsreader talking about his job.

What does he say about it?

- A Some of the news items he reports on are a bit dull.
- B Luck plays a large part in what news is reported.
- C He needs to plan his news reports carefully.

7 You hear part of an interview with a prize-winning musician.

How did she feel during the competition?

- A impressed by the other competitors
- B disappointed with her performance
- C confident in her ability to win

8 You hear a man talking about the experience of going to university.

How did he feel at the start of his course?

- A shy about talking to the other students
- B unsure how best to organise his time
- C surprised by the teaching methods